CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL
CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: 38.205.944 - 38.205.947 . Fax: 38.205.942
Email: info@ aascs. com.vn . Website: www.aascs.com.vn

Số 347/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính năm 2008 của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bông Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam được lập ngày 04 tháng 03 năm 2009 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2009

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc

Đỗ Khắc Thanh
Chứng chỉ KTV số: Đ0064/KTV

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn
Chứng chỉ KTV số:0479 /KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	12/31/2008	1/1/2008
100	**A . TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**106,352,758,082**	**146,340,212,107**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**		**7,362,608,588**	**9,088,772,985**
111	1. Tiền	03	7,362,608,588	9,088,772,985
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**			**49,500,000,000**
121	1. Đầu tư ngắn hạn			49,500,000,000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**70,945,954,529**	**63,109,047,983**
131	1. Phải thu khách hàng		32,154,627,982	35,190,622,991
132	2. Trả trước cho người bán		14,575,247,751	5,629,710,007
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây			
135	5. Các khoản phải thu khác	04	24,304,012,869	22,288,714,985
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(87,934,073)	
140	**IV. Hàng tồn kho**		**22,881,575,319**	**19,158,535,600**
141	1. Hàng tồn kho	05	23,489,769,093	19,337,773,274
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(608,193,774)	(179,237,674)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**5,162,619,646**	**5,483,855,539**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		13,000,000	
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1,187,857,477	1,718,566,150
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	06	98,190,667	3,919,142
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		3,863,571,502	3,761,370,247
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**75,013,518,692**	**80,006,019,597**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**7,011,729,153**	**8,641,202,194**
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác	07	7,011,729,153	8,641,202,194
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	12/31/2008	1/1/2008
220	**II. Tài sản cố định**		**34,730,056,537**	**36,766,725,697**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	29,926,553,625	32,848,658,708
222	- Nguyên giá		77,020,065,432	77,816,809,847

223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(47,093,511,807)	(44,968,151,139)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	09	3,654,011,245	2,094,450,380
228	- Nguyên giá		3,657,919,919	2,094,450,380
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(3,908,674)	
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1,149,491,667	1,823,616,609
240	**III. Bất động sản đầu tư**		**1,884,429,923**	**2,037,207,078**
241	- Nguyên giá	11	3,237,964,433	3,237,964,433
242	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(1,353,534,510)	(1,200,757,355)
250	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**		**31,064,235,561**	**32,244,051,561**
251	1. Đầu tư vào công ty con		5,100,000,000	5,100,000,000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		17,172,226,121	17,172,226,121
258	3. Đầu tư dài hạn khác	12	8,792,009,440	9,971,825,440
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**323,067,518**	**316,833,067**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	323,067,518	316,833,067
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
268	3. Tài sản dài hạn khác			
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**181,366,276,774**	**226,346,231,704**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2008	1/1/2008
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Tp. HCM,ngày 4 tháng 3 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
	Nguyễn Thị Thanh Hương	Trần Anh Hào

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM — **Báo cáo tài chính**
Địa chỉ: I15-17 Đường D2, Quận Bình Thạnh- Tp. HCM — cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2008	
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	19	**249,974,688,747**	**249,974,688,747**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**249,974,688,747**	**249,974,688,747**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	20	**245,899,281,731**	
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**4,075,407,016**	**249,974,688,747**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20,770,138,570	
22	7. Chi phí tài chính	22	22,352,541,399	
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*12,927,132,366*	
24	8. Chi phí bán hàng		2,493,712,631	
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		9,455,171,363	
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(9,455,879,807)**	**249,974,688,747**
31	11. Thu nhập khác		596,030,862	
32	12. Chi phí khác		448,322,851	
40	**13. Lợi nhuận khác**		**147,708,011**	
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(9,308,171,796)**	**249,974,688,747**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành			
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**(9,308,171,796)**	**249,974,688,747**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)**	23	1,862	

Tp. HCM,ngày 4 tháng 3 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
	Nguyễn Thị Thanh Hương	Trần Anh Hào

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM
ĐC: I.15-17 Đường D2, Q.Bình Thạnh- Tp. HCM

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		120,386,069,148
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(136,307,356,351)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(6,210,169,373)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(11,709,916,902)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(821,691,259)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		33,120,271,050
07	7.Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(65,686,824,576)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		**(67,229,618,263)**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(1,563,469,539)
22	2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		403,541,000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác		(54,538,041,367)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		60,457,334,411
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.		(28,400,000,000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.		77,900,000,000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		653,149,646
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		**54,912,514,151**
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		121,960,358,170
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(111,369,768,345)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		**10,590,589,825**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(1,726,514,287)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		
61	*Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ*		349,890
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**		**(1,726,164,397)**

TP. HCM, ngày 04/3/2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc

BẢN THIẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bông Việt Nam được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Bông Việt Nam theo Quyết định số 3587/QĐ- BCN ngày 13 tháng 12 năm 2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Bông Việt Nam thành Công ty Cổ phần Bông Việt Nam,

Công ty Cổ phần Bông Việt Nam(tên giao dịch quốc tế là VIET NAM COTTON JOINT STOCK COMPANY-viết tắt là VCC) có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007036: đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 8 tháng 10 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ,

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và thương mại

Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất , mua bán: Bông xơ , sợi bông , vật tư nông nghiệp, thiết bị phục vụ sản xuất , chế biến bông , sản phẩm bông sau thu hoạch,sản phẩm dệt may, sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm, giống bông, cây trồng nông nghiệp (không sản xuất tại trụ sở); Trồng bông vải; Cung cấp giống cây trồng, hướng dẫn KT trồng trọt, dịch vụ hỗ trợ trồng trọt khác ; Ép dầu, chưng cất dầu, sản xuất dầu thực vật; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm; Dệt bao bì nhựa PP ; Sản xuất sản phẩm từ dây kim loại (không sản xuất, ép chưng dầu, tái chế phế thải, tẩy nhuộm, in tại trụ sở); Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ôtô ; Dịch vụ nghiên cứu và phát triển ngành khoa học tư nhiên, công nghệ (công nghệ sinh học, gen, nghiên cứu khoa học cơ bản) , ứng dụng khoa học công nghệ vào cuộc sống ; Cho thuê: kho bãi , máy móc thiết bị ngành nông nghiệp, văn phòng ; Mua bán : vật liệu, phụ gia ngành xây dựng, thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy hải sản, nguyên phụ liệu ngành chăn nuôi, hoá chất (trừ hoá chất độc hại mạnh), thuốc bảo vệ thực vật; Cho thuê máy móc ngành công nghiệp, xây dựng.

Vốn điều lệ của Công ty : 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỉ đồng chẵn)

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

+ Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 30 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải	02 - 11 năm
+ Thiết bị công cụ quản lý	03 - 08 năm
+ Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

Công ty kế thừa trước khi cổ phần hoá các khoản sau là tài sản cố định vô hình:

Quyền sử dụng đất vô thời hạn	*Nguyên giá*
+ Trạm bông Kông Chro (Gia Lai)	224,600,000
+ Trạm bông Trung tâm (Phan Thiết)	365,625,000
+ Trạm kiểm tra chất lượng và văn phòng công ty	1,504,225,380

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:
- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 28%.

BẢN THIẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

3. TIỀN

	31/12/2008	*1/12008*
Tiền mặt		508,685,098
Tiền gửi ngân hàng		8,580,087,887
Tiền đang chuyển		
Cộng		**9,088,772,985**
	7,362,608,588	

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	*1/1/2008*
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu người lao động		
- Phải thu khác	24,304,012,869	24,304,012,869
Cộng	**24,304,012,869**	**24,304,012,869**

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	*1/1/2008*

- Hàng mua đang đi đường		
liệu	6,102,675,158	8,253,509,854
- Công cụ, dụng cụ	441,529,946	533,675,475
kinh doanh dở dang	1,406,574,946	1,601,337,009
- Thành phẩm	9,551,196,221	5,654,594,215
- Hàng hóa	5,987,792,893	3,294,656,721
- Hàng gửi đi bán		
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**23,489,769,093**	**19,337,773,274**
	23,489,769,093	**19,337,773,274**

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	*1/1/2008*
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	97,854,740	
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa		3,919,142
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	335,927	
Cộng	**98,190,667**	**3,919,142**
	98,190,667	3,919,142

7. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2008	*1/1/2008*
- Ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Các khoản tiền nhận ủy thác		
- Cho vay không có lãi	7,011,729,153	8,641,202,194
- Phải thu dài hạn khác	7,011,729,153	8,641,202,194
Cộng	**7,011,729,153**	**8,641,202,194**

BẢN THIẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH *Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng	
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	**31,132,688,635**	**39,177,976,772**	**7,011,692,972**	**494,451,468**		**77,816,809,847**	77,816,809,847
Số tăng trong năm	263,819,323	372,857,145	29,158,050	15,681,800		681,516,318	
- Mua trong năm		*372,857,145*	*29,158,050*	*15,681,800*		*417,696,995*	
- Đầu tư XDCB hoàn	*263,819,323*					*263,819,323*	
- Tăng khác							
Số giảm trong năm		99,879,512	1,325,601,773	52,779,448		1,478,260,733	
- Thanh lý, nhượng bán		*99,879,512*	*1,325,601,773*	*52,779,448*		*1,478,260,733*	
- Giảm khác							
Số dư cuối năm	**31,396,507,958**	**39,450,954,405**	**5,715,249,249**	**457,353,820**		**77,020,065,432**	77,020,065,432
Giá trị hao mòn luỹ kế							
Số dư đầu năm	**15,697,431,481**	**23,708,945,780**	**5,184,625,322**	**377,148,556**		**44,968,151,139**	44,968,151,139
Số tăng trong năm	1,253,847,423	1,540,261,423	444,951,764	42,902,576		3,281,963,186	
- Khấu hao trong năi	*1,253,847,423*	*1,540,261,423*	*444,951,764*	*42,902,576*		*3,281,963,186*	

- Tăng khác						
Số giảm trong năm		89,462,584	1,014,360,486	52,779,448	1,156,602,518	
- Thanh lý, nhượng bán		*89,462,584*	*1,014,360,486*	*52,779,448*	*1,156,602,518*	
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	**16,951,278,904**	**25,159,744,619**	**4,615,216,600**	**367,271,684**	**47,093,511,807**	**47,093,511,807**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	**15,435,257,154**	**15,469,030,992**	**1,827,067,650**	**117,302,912**	**32,848,658,708**	32,848,658,708
Tại ngày cuối năm	**14,445,229,054**	**14,291,209,786**	**1,100,032,649**	**90,082,136**	**29,926,553,625**	29,926,553,625

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 32,710,409,859
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13,262,516,340

BẢN THIẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Cộng	
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	**2,094,450,380**				**2,094,450,380**	**2,094,450,380**
Số tăng trong năm	**1,563,469,539**				**1,563,469,539**	
- Mua trong năm	1,563,469,539				1,563,469,539	
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	**3,657,919,919**				**3,657,919,919**	
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu năm						
Số tăng trong năm	**3,908,674**				**3,908,674**	
- Khấu hao trong năi	*3,908,674*				*3,908,674*	
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	**3,908,674**				**3,908,674**	
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	**2,094,450,380**				**2,094,450,380**	**2,094,450,380**
Tại ngày cuối năm	**3,654,011,245**				**3,654,011,245**	**3,654,011,245**

BẢN THIẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG *Đơn vị tính: VND*

	31/12/2008	*1/1/2008*

- Xây dựng cơ bản dở dang:		665,592,375
+ Dự án công nghệ sinh học		*590,788,576*
+ Xưởng ép dầu Đồng Nai		*63,394,545*
+ Trại giống Phan Thiết		*11,409,254*
+ Đất Nha Trang		
- Mua sắm TSCĐ		1,158,024,234
+ QSD đất Lô A7-16 Xô Viết Nghệ Tĩnh - Tp.HCM		*1,158,024,234*
- Sửa chữa lớn TSCĐ		
Cộng	**1,149,491,667**	**1,823,616,609**

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	*Số đầu năm*	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*	
Nguyên giá	**3,237,964,433**			**3,237,964,433**	**3,237,964,433**
Quyền sử dụng đất					
Nhà	*3,114,338,302*			*3,114,338,302*	
Nhà và quyền sử dụ					
Cơ sở hạ tầng	*123,626,131*			*123,626,131*	
Giá trị hao mòn lũy	**1,200,757,355**	**152,777,155**		**1,353,534,510**	**1,353,534,510**
Quyền sử dụng đất					
Nhà	*1,119,543,524*	*142,174,079*		*1,261,717,603*	
Nhà và quyền sử dụ					
Cơ sở hạ tầng	*81,213,831*	*10,603,076*		*91,816,907*	
Giá trị còn lại	**2,037,207,078**			**1,884,429,923**	**1,884,429,923**
Quyền sử dụng đất					
Nhà	*1,994,794,778*			*1,852,620,699*	
Nhà và quyền sử dụ					
Cơ sở hạ tầng	*42,412,300*			*31,809,224*	

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2008	*1/1/2008*
- Đầu tư cổ phiếu	8,775,009,440	9,954,825,440
+ Công ty CP Bông vải & Kinh doanh tổng hợp miền Đông	*5,275,009,440*	*6,454,825,440*
+ Công ty CP Thiên Hưng	*3,500,000,000*	*3,500,000,000*
- Đầu tư trái phiếu	17,000,000	17,000,000
Cộng	**8,792,009,440**	**9,971,825,440**

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2008	*1/12008*
- Chi phí trả trước dài hạn	**323,067,518**	**316,833,067**
Cộng	**323,067,518**	**316,833,067**

BẢN THIẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

31/12/2008	*1/1/2008*

- Vay ngắn hạn (*)	33,112,700,898	4,682,890,894
- Nợ dài hạn đến hạn trả		
Cộng	**33,112,700,898**	**4,682,890,894**
	33,112,700,898	**4,682,890,894**

(*) Chi tiết hợp đồng vay

Đơn vị thành viên	**XN Dịch vụ Thương mại ngành bông**
Đối tượng cho vay	Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn
Hợp đồng	Số 1904-LAV-200800349/HĐTD ngày 23/10/2008
Hạn mức	150.859 USD
Lãi suất	8,5%/năm
Tài sản đảm bảo	Lô hàng bông nguyên liệu nhập khẩu theo Hợp đồng số S-745 ngày 17/10/2008.
Số dư 31/12/2008	2.562.641.833 VND *(tương đương 150.859 USD)*

Đơn vị thành viên		**Văn phòng Công ty**			
Đối tượng cho vay		Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
Hợp đồng		Số 1904-LAV-200800321/HĐTD ngày 10/10/2008	Số 1904-LAV-200800351/HĐTD ngày 23/10/2008	Số 1904-LAV-200800386/HĐTD ngày 05/11/2008	
Hạn mức		22.508 USD	99.400 USD	224.359 USD	
Lãi suất		6%/năm	8,5%/năm	8,5%/năm	
Tài sản đảm bảo		Tài sản hình thành từ vốn vay	Tài sản hình thành từ vốn vay	Tài sản hình thành từ vốn vay	
Số dư 31/12/2008		382.118.316 VND (tương đương 22.508 USD)	1.674.688.395 VND (tương đương 98.644,56 USD)	3.808.942.743 VND (tương đương 224.359 USD)	

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	31/12/2008	*1/1/2008*
- Thuế giá trị gia tăng	1,180,302,404	438,331,196
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		723,169,544
- Thuế thu nhập cá nhân	27,538,522	52,108,810
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	21,014,333	21,014,333
- Các loại thuế khác	351,534,278	357,470,014
Cộng	**1,580,389,537**	**1,592,093,897**
	1,580,389,537	1,592,093,897

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	*1/1/2008*
- Tài sản thừa chờ xử lý	11,974,590	11,974,590
- Kinh phí công đoàn	23,676,460	34,813,880
- Bảo hiểm xã hội	8,737,826	19,443,685
- Bảo hiểm y tế	357,821	10,053,403
- Phải trả về cổ phần hóa	2,964,002,403	2,964,002,403
- Doanh thu chưa thực hiện		131,810,066
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3,026,192,639	8,267,759,874
Cộng	**6,034,941,739**	**11,439,857,901**
	6,034,941,739	11,439,857,901

17. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2008	1/1/2008
Vay dài hạn	**85,840,109,544**	**99,611,609,717**
- Vay ngân hàng	85,840,109,544	99,611,609,717
+ Ngân hàng Đồng Nai	*49,000,000*	*49,000,000*
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (**)	*85,791,109,544*	*99,562,609,717*
- Vay đối tượng khác		
- Trái phiếu phát hành		
Nợ dài hạn		
- Thuê tài chính		
- Nợ dài hạn khác		
Cộng	**85,840,109,544**	**99,611,609,717**
	85,840,109,544	99,611,609,717

(**) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam được tài trợ từ nguồn vốn ODA theo thỏa ước tín dụng ký ngày 18/12/1998 giữa Bộ Tài chính nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cơ quan Phát triển Pháp. Hợp đồng vay số 01/2008/HDODA-NHPTVN; được ký ngày 02 tháng 10 năm 2008.

Vốn vay được sử dụng để đầu tư các hạng mục của dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định đầu tư số 19/QĐ TTg ngày 08/01/1998 về việc phê duyệt dự án *"Phát triển Bông và các cây trồng luân xen canh với bông"*.

Tổng mức vốn vay là 60.000.000 Phơrăng Pháp (FRF).

Lãi suất vay: 3,5% - 3,9%/năm

Trả nợ: Từ 14 đến 18 phân kì theo bán niên tùy vào hạng mục sử dụng vốn vay; kì trả nợ đầu tiên là 15/4/2002 và kỳ trả nợ cuối cùng là 15/10/2016.

Ngày 01/11/2007, Công ty đã chuyển giao 6.160.962.733 VND *(tương đương 259.660,42 FPF)* cho Công ty Cổ phần Bông Tây Nguyên theo Biên bản thỏa thuận đã được hai bên xác nhận. Theo biên bản này, Công ty Cổ phần Bông Tây Nguyên sẽ trả nợ gốc theo phân kì bán niên vào ngày 14/4 và 14/10 với lãi suất là 8,4%/năm cho Công ty.

Chi tiết	Loại tiền tệ vay			Cộng
	Phơrăng Pháp		Đồng Việt Nam	
	Nguyên tệ	*Quy đổi VND*		
- Nợ dài hạn	2,149,514.46	40,189,323,828	45,601,785,716	85,791,109,544
Cộng số dư nợ vay	**2,149,514.46**	**40,189,323,828.00**	**45,601,785,716.00**	**85,791,109,544.00**

BẢN THIẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	Cổ phiếu quỹ	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư XDCB
Số dư đầu năm trư	**50,000,000,000**		**124,940,274**						
Tăng vốn trong kì trước									
Lãi trong kì trước						1,498,213,752			

Tăng khác					72,445,291	72,445,291
Giảm vốn trong kì trước						
Chia cổ tức				1,200,000,000		
Trích quỹ từ lợi nhuận				289,781,165		
Giảm khác				8,432,587		
Số dư cuối năm trư	**50,000,000,000**	**124,940,274**			**72,445,291**	**72,445,291**
Tăng vốn trong kì này						
Lãi trong kì này						
Tăng khác			4,875,340,000			
Giảm vốn trong kì này						
Chia cổ tức						
Trích quỹ từ lợi nhuận						
Giảm khác						
Số dư cuối năm nay	**50,000,000,000**	**124,940,274**	**4,875,340,000**		**72,445,291**	**72,445,291**

BẢN THIẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

0 **b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

		31/12/2008	*%*	*1/1/2008*	*%*
Vốn góp của Nhà nước		27,500,000,000	*55%*	27,500,000,000	*55%*
Vốn góp của các đối tượng khác		22,500,000,000	*45%*	22,500,000,000	*45%*
	Cộng	**50,000,000,000**	*100%*	**50,000,000,000**	*100%*
		50,000,000,000		**50,000,000,000**	
- Số lượng cổ phiếu quỹ					

0 **c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	31/12/2008	*1/1/2008*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kì	50,000,000,000	50,000,000,000
Vốn góp tăng trong kì		
Vốn góp giảm trong kì		
Vốn góp cuối kì	50,000,000,000	50,000,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

0 **d) Cổ phiếu**

	31/12/2008	*1/1/2008*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2,250,000	2,250,000
- Cổ phiếu phổ thông	*2,250,000*	*2,250,000*
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,000,000	5,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	*5,000,000*	*5,000,000*
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 đồng/ cổ phiếu

BẢN THIẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2008
Doanh thu bán hàng	246,266,297,708
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3,708,391,039
Doanh thu hợp đồng xây dựng	
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	
- Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính	
Cộng	**249,974,688,747**
	249,974,688,747

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2008
Giá vốn của hàng hóa đã bán	182,112,133,191
Giá vốn của thành phẩm đã bán	60,508,227,026
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1,688,741,180
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của bất động sản đầu tư đã bán	1,161,224,234
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	428,956,100
Cộng	**245,899,281,731**
	245,899,281,731

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2008
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10,532,703,294
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	377,500,462
- Lãi bán ngoại tệ	
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	369,920,610
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5,842,757,348
- Lãi bán hàng trả chậm	3,515,446,790
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	131,810,066
Cộng	**20,770,138,570**
	20,770,138,570

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Năm 2008

- Lãi tiền vay	12,927,132,366
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	635,046,505
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	
- Lỗ do bán ngoại tệ	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	741,949,945
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8,048,412,583
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	
Cộng	**22,352,541,399**

LÃI CƠ BẢN TRÊN

23. CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm 2008
- Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	(9,308,171,796)
- Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5,000,000
- Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	(1,862)

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2008
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35,471,024,219
Chi phí nhân công	4,627,681,709
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,438,649,013
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,332,234,547
Chi phí khác bằng tiền	5,230,131,183
Cộng	**51,099,720,671**

25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

25.1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan	**Mối quan hệ**
Tập đoàn dệt may Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Bông Tây Nguyên	Công ty con
Công ty CP Bông vải Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty CP Giống cây trồng Nha Hố	Công ty liên kết
Công ty CP Sợi Phú Bài	Công ty liên kết
Công ty CP Bông miền Bắc	Công ty liên kết

25.2. Số liệu so sánh

Không có số liệu so sánh vì Công ty được cổ phần hóa từ ngày 18 tháng 6 năm 2007 và kỳ kế toán đầu tiên của Công ty là từ 18 tháng 6 năm 2007 đến 31 tháng 12 năm 2007.

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng giám đốc**
	Nguyễn Thị Thanh Hương	**Trần Anh Hào**